

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2021

HỢP ĐỒNG
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
(Đề tài R&D thuộc Chương trình KH&CN Tập đoàn)
Số: 139 /HĐ-KHCN-KC.03.Đ10-21/16-20

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quy chế KH&CN và Quy chế Chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) được Hội đồng thành viên Tập đoàn ban hành tại Quyết định số 2310/QĐ-TKV và số 2311/QĐ-TKV ngày 26/12/2018; Quyết định số 1960/QĐ-TKV ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng thành viên TKV về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế Khoa học và Công nghệ của TKV;

Căn cứ Quy định Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế KH&CN và Quy chế Chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của TKV được Tổng giám đốc Tập đoàn ban hành tại số 2020/QĐ-TKV ngày 02/12/2020 và Quyết định số 799/QĐ-TKV ngày 07/5/2019;

Căn cứ tại Quyết định số 799/QĐ-TKV ngày 07/6/2021 về việc phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH & CN thuộc kế hoạch KH & CN năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ Giấy Ủy quyền số 33/UQ-TKV ngày 09/4/2020 của Tổng giám đốc TKV,

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Đại diện là Ông: Phan Xuân Thủy.
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.
- Địa chỉ: số 226, đường Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.3516.0126; Fax: 024.3851.0724.
- Số tài khoản: 111 000 000 681 tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Hoàn Kiếm - Hà Nội.

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): Trung tâm Khoa học Công nghệ Mỏ và Môi trường – Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Đại diện là Ông: Nguyễn Văn Bưởi
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Tầng 1, nhà A, Trường ĐH Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 0243.752.0356 ; Fax: 0243.752.0356
- Số tài khoản: 3100211000113 tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội.
- Mã số thuế: 0100763654

- Số tài khoản kho bạc: 3751 tại kho bạc nhà nước Nam Từ Liêm Hà Nội; mã số kho bạc: 0017; Mã số quan hệ ngân sách: 9088580.

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài “*Nghiên cứu đề xuất các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả tuyển tại nhà máy tuyển đồng Tả Phời và các nhà máy tuyển đồng có điều kiện tương tự thuộc TKV*” theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài đã được Tập đoàn phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

- Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

- Mã số: KC.03.Đ10-21/16-20.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Đề tài là 15 tháng, từ tháng 06/2021 đến hết tháng 08/2022.

Sau khi Bên A nhận được hồ sơ kết quả nghiên cứu Đề tài của Bên B theo quy định, trong thời gian Bên A thẩm định, nghiệm thu và thanh quyết toán, Hợp đồng vẫn còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài

1. Đề tài không thực hiện Khoán chi.

2. Tổng kinh phí cần thiết để thực hiện Đề tài (chưa bao gồm thuế VAT): **2.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn). Trong đó:

- Kinh phí từ nguồn Ngân sách: 0 đồng

- Kinh phí cấp từ **Quỹ Phát triển KH&CN của TKV** (chưa bao gồm thuế VAT): **2.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn).

- Kinh phí huy động từ các nguồn khác (do Bên B tự thu xếp): 0 đồng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí số kinh phí cấp từ Quỹ Phát triển KH&CN của TKV tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này và cấp cho Bên B theo quy định, phù hợp tiến độ thực hiện đề tài;

Sau khi ký Hợp đồng, Bên B được Bên A cấp đợt 1 là 30% giá trị dự toán kinh phí từ Quỹ phát triển KH&CN của Tập đoàn để tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu;

c) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, dịch vụ của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp theo quy định của pháp luật và quy chế, quy định hiện hành có liên quan của TKV;

d) Các đợt cấp kinh phí tiếp theo, căn cứ vào đề xuất của Bên B và khối lượng công việc đề tài đã hoàn thành có xác nhận của Ban Khoa học, Công nghệ thông tin và Chiến lược phát triển (KCL) và Ban Kế toán - Tài chính (KTTC) để cấp tiếp nhưng tổng số kinh phí cấp không quá 90% giá trị dự toán kinh phí thực hiện Hợp đồng; trong đó:

- Cấp kinh phí đối với các nội dung nghiên cứu lý thuyết và chi phí khác: Yêu cầu khối lượng đã hoàn thành đảm bảo vượt 50% so với phần công việc tương ứng theo Thuyết minh

- dự toán được duyệt;

- Cấp kinh phí đối với nội dung mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, thuê dịch vụ của Đề tài: Yêu cầu có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo Thuyết minh đã được phê duyệt;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh Đề tài, các Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Hợp đồng;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện Đề tài sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của TKV theo quy định;

k) Sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Đề tài;

l) Giao cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của Đề tài (nếu có) theo quy định hiện hành;

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh, các Phụ lục 1,2,3 kèm theo Hợp đồng;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

d) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

đ) Đề nghị Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

e) Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, dịch vụ của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) và kèm theo hồ sơ kết quả nghiên cứu để xác định nội dung, giá gói thầu (giải pháp kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, luận chứng kinh tế - kỹ thuật, dự toán gói thầu và các căn cứ tính toán: báo giá, chứng thư thẩm định giá...) để trình Bên A phê duyệt theo quy định của pháp luật và quy chế, quy định hiện hành có liên quan của TKV; tổ chức thực hiện việc lựa chọn nhà thầu theo quy định;

g) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định của pháp luật;

h) Báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo đột xuất (nếu cần) về tình hình thực hiện và việc sử dụng kinh phí đã cấp của Đề tài; báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi đề nghị cấp kinh phí của đợt tiếp theo;

i) Tự tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng, dự kiến hiệu quả đạt được theo kết quả đã thực hiện trước khi chuyển bước nghiên cứu tiếp theo (chế tạo sản phẩm, xây dựng mô hình thử nghiệm, triển khai thực nghiệm kết quả nghiên cứu...), lập hồ sơ trình Bên A xin góp ý và hoàn thiện hồ sơ (nếu có) trước khi thực hiện bước nghiên cứu tiếp theo;

k) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở, hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ, sản phẩm của Đề tài để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định;

l) Có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện Đề tài sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của TKV theo quy định; quản lý tài sản đó cho đến khi hoàn thành việc xử lý theo quyết định của Bên A;

m) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

n) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

o) Công bố kết quả thực hiện Đề tài sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm Đề tài cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định;

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Đề tài theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài;

r) Giữ bí mật và không được chuyển giao kết quả thực hiện Đề tài cho bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận của Bên A;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài đã kết thúc và được đánh giá, nghiệm thu kết quả.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Đề tài gặp các trường hợp bất khả kháng: Thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, chiến tranh, dịch họa... dẫn đến không thể hoàn thành Đề tài.

4. Đề tài có mức độ rủi ro cao, Bên B đã làm hết trách nhiệm nhưng không thành công.

5. Bên A ra thông báo và đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp:

a) Vi phạm Hợp đồng: Các điều kiện theo Hợp đồng không được bảo đảm dẫn đến Đề tài không có khả năng hoàn thành; thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo Hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích;

b) Bên B có năng lực tổ chức quản lý kém; hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu hoặc kết quả đã thực hiện cho thấy việc triển khai tiếp đề tài sẽ không đạt được mục tiêu đề ra, không có hiệu quả khi triển khai áp dụng vào thực tế;

c) Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

d) Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định.

6. Bên B có văn bản đề nghị chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo Hợp đồng đã ký mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất hợp lý của tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài thuộc thẩm quyền giải quyết của Bên A theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên, được thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này;

b) Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “Không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí từ Quỹ phát triển KH&CN của TKV đã cấp nhưng chưa sử dụng. Phần kinh phí từ Quỹ phát triển KH&CN của TKV cấp và đã sử dụng: Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì Bên B không phải hoàn trả; trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì Bên B phải hoàn trả 100% cho Bên A;

2. Đối với Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B;

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài không hoàn thành do gặp các trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 3 Điều 5 Hợp đồng này:

a) Trường hợp Đề tài không cần thiết thực hiện tiếp: Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí cấp đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định;

b) Trường hợp Đề tài còn nhu cầu thực hiện tiếp: Bên A giao Bên B thực hiện Đề tài mới để thay thế. Đề tài mới phải sử dụng, kế thừa kết quả nghiên cứu của Đề tài cũ và phần kinh phí thực hiện kết quả nghiên cứu đã sử dụng, kế thừa được tính vào kinh phí cấp cho Đề tài mới.

4. Trong trường hợp Đề tài có mức độ rủi ro cao, nếu Bên B đã làm hết trách nhiệm nhưng không thành công thì Bên A xem xét thanh toán kinh phí tương ứng với khối lượng theo đánh giá của Hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu Đề tài nhưng không vượt quá 70% tổng kinh phí theo dự toán được duyệt.

5. Trường hợp Bên A ra thông báo và đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Hợp đồng này thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí từ Quỹ phát triển KH&CN của TKV đã được cấp nhưng chưa sử dụng cho Bên A. Phần kinh phí từ Quỹ phát triển KH&CN của TKV cấp và đã sử dụng: Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì Bên B không phải hoàn trả; trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì Bên B phải hoàn trả 100% cho Bên A;

6. Đối với Đề tài không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí cấp đã sử dụng để thực hiện Đề tài nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định; đồng thời, Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí từ Quỹ phát triển KH&CN của TKV đã được cấp nhưng chưa sử dụng cho Bên A.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Trước khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện Đề tài sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của TKV được thực hiện theo quy định tại: Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Quyết định số 799/QĐ-TKV ngày 07/5/2019 của Tổng giám đốc TKV về việc ban hành Quy định Hướng dẫn một số điều của Quy chế Chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của TKV và các quy định khác hiện hành.

2. Các sản phẩm vật chất của Đề tài sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của TKV: Nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ (nếu có) được phân chia theo quy định.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì các sửa đổi, bổ sung phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của hai Bên và là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Khi gặp các trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 3 Điều 5 Hợp đồng này dẫn đến việc không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân để giải quyết theo quy định.

3. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 03 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phan Xuân Thủy

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Bưởi

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

Hợp đồng số: 139 /HD-KHCN-KC.03.Đ10-21/16-20 ngày 10 tháng 6 năm 2021

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG, KẾT QUẢ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

TT	Nội dung	Kết quả phải đạt	Thời gian hoàn thành
1	Lập thuyết minh và dự toán kinh phí	Thuyết minh và dự toán kinh phí được phê duyệt.	06/2021
2	Nghiên cứu tổng quan về tình hình khai thác, công nghệ tuyển quặng đồng trên thế giới và các tài liệu liên quan đến nhà máy tuyển đồng Tả Phời, các nhà máy tuyển đồng tương tự (đồng Sin Quyền 1, 2.)	Nêu được tổng quan tình hình khai thác, công nghệ tuyển và chế biến quặng đồng trên thế giới (Mỹ, Nhật, Úc, Trung Quốc,...) và các tài liệu liên quan đến nhà máy tuyển đồng Tả Phời, các nhà máy tuyển đồng tương tự (đồng Sin Quyền 1, 2)	06/2021
3	Khảo sát đánh giá hiện trạng công nghệ nhà máy tuyển đồng Tả Phời	Khảo sát, đánh giá đầy đủ thực trạng về hiện trạng công nghệ Nhà máy tuyển đồng Tả Phời phục vụ nghiên cứu	08/2021
4	Lấy mẫu công nghệ tại nhà máy tuyển đồng Tả Phời: quặng nguyên khai, quặng sau nghiền, quặng đuôi sau tuyển; mẫu tinh quặng	Phương án lấy mẫu và mẫu công nghệ đảm bảo tính đại diện, đủ về số lượng và khối lượng phục vụ nghiên cứu phù hợp với quy định để triển khai thực hiện	09/2021
5	Nghiên cứu thành phần vật chất các mẫu công nghệ	Số liệu, dữ liệu đảm bảo phục vụ nghiên cứu	11/2021
6	Nghiên cứu chế độ tuyển nổi quy mô phòng thí nghiệm trên mẫu công nghệ	Kết quả xác định được độ mịn, nồng độ bùn, thuốc,... đảm bảo phù hợp để triển khai các bước tiếp theo	04/2022
7	Nghiên cứu đề xuất công nghệ nhằm tăng chỉ tiêu hàm lượng và thực thu tinh quặng đồng	Đề xuất các giải pháp công nghệ tối ưu nhằm tăng thực thu và ổn định hàm lượng tinh quặng đồng của Nhà máy tuyển đồng Tả Phời.	05/2022
8	Thử nghiệm các giải pháp công nghệ đề xuất ở quy mô sản xuất tại nhà máy tuyển đồng Tả Phời (<i>chạy thử nghiệm thay đổi chế độ nghiền, chế độ thuốc tuyển trên dây chuyền sản xuất thực tế của nhà máy</i>) và đánh giá kết quả;	So sánh, phân tích, đánh giá kết quả trước và sau khi áp dụng thử nghiệm giải pháp trên dây chuyền sản xuất thực tế của nhà máy tuyển đồng Tả Phời – Lào Cai.	07/2022
9	Lập báo cáo tổng kết đề tài	Đầy đủ hồ sơ và sản phẩm theo quy định.	08/2022

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (DẠNG I, II, III)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú
1	Các giải pháp công nghệ nhằm tăng thực thu và ổn định hàm lượng tinh quặng đồng của Nhà máy tuyển đồng Tả Phời và các nhà máy tuyển đồng có điều kiện tương tự thuộc TKV.	Bộ	01 (09 copy)	Nâng cao thực thu và ổn định hàm lượng tinh quặng đồng so với thực tế hiện nay (dự kiến thu được tinh quặng đồng có hàm lượng > 23% Cu, thực thu đạt > 91,5%).	<i>Giải pháp phải được tổ chức phối hợp đồng ý thông qua</i>
2	Báo cáo tổng kết đề tài	Báo cáo	01 (09 copy)	Phản ánh đầy đủ nội dung, kết quả và sản phẩm nghiên cứu	
3	Bài báo liên quan đến đề tài	Bài	02	Được đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc Tuyển tập các báo cáo tại hội nghị khoa học trong nước	

PHỤ LỤC 3

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn				
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Quỹ Phát triển KH&CN của TKV			Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ 1	Năm thứ 2		
1	Lương và thuê khoán	1.384,25	69,21	1.384,25	1.063,24	321,01		
2	Nguyên vật liệu, năng lượng	72,63	3,63	72,63	72,63	0		
3	Thiết bị, máy móc	0	0	0	0	0		
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0	0		
5	Chi khác	543,12	27,16	543,12	196,98	346,14		
	Cộng:	2.000,00	100	2.000,00	1.332,85	667,15		